

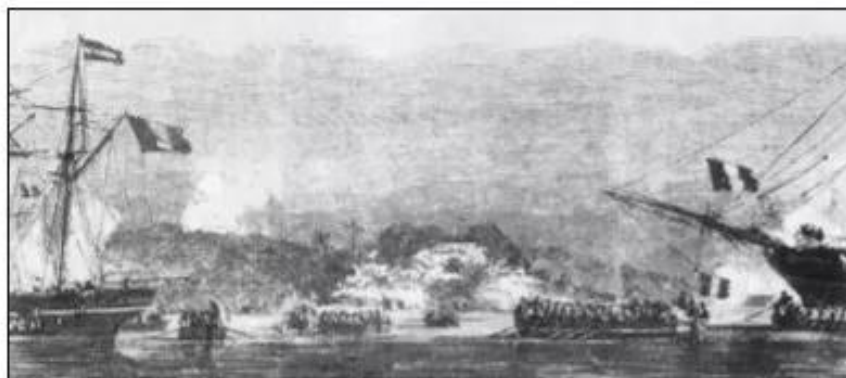
**CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP
XÂM LƯỢC (1858 _ 1884)**

Ngày 1 – 9 – 1858, quân Pháp nổ súng, mở đầu cuộc tấn công xâm lược Việt Nam. Quân dân ta đã anh dũng chiến đấu chống thực dân Pháp.

Sau khi chiếm được thành Gia Định, quân Pháp lần lượt đánh chiếm ba tỉnh miền Đông (1862), rồi ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ (1867). Đi đến đâu chúng cũng vấp phải sự chống cự quyết liệt của nhân dân ta. Đến năm 1884 (sau 26 năm tiến hành chiến tranh xâm lược), thực dân Pháp mới tạm thời áp đặt được nền bảo hộ trên toàn bộ đất nước Việt Nam.

I – KHÁNG CHIẾN Ở ĐÀ NẴNG VÀ CÁC TỈNH NAM KÌ**1. Trên mặt trận Đà Nẵng năm 1858**

Chiều 31 – 8 – 1858, liên quân Pháp – Tây Ban Nha dàn trận trước cửa biển Đà Nẵng. Đây là một vị trí chiến lược quan trọng, nếu chiếm được sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh” của Pháp.



Hình 99. Liên quân Pháp _ Tây Ban Nha tấn công Đà Nẵng năm 1858

Đà Nẵng là một hải cảng sâu và rộng, tàu chiến có thể ra vào dễ dàng, lại nằm trên đường thiên lý Bắc – Nam. Hậu phương Đà Nẵng là vùng đồng bằng Nam – Ngãi có thể lợi dụng để thực hiện được âm mưu “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”. Đà Nẵng chỉ cách Huế khoảng 100 km, qua đèo Hải Vân. Tại đây có nhiều người theo đạo Thiên Chúa và một số gián điệp đội lốt thầy tu hoạt động từ trước.

Lực lượng quân Pháp và Tây Ban Nha⁽¹⁾ với khoảng 3 000 quân, được bố trí trên 14 tàu chiến (trong đó có những tàu lớn được trang bị tới 50 khẩu đại bác). Lực lượng quân ta ở đây có khoảng 2 000 người, khi chiến sự nổ ra được tăng cường thêm 2 000 người nữa. Các pháo đài ở Đà Nẵng được phòng thủ khá tốt, có rất nhiều đại bác và vũ khí thông thường.



Hình 100. Lược đồ liên quân Pháp - Tây Ban Nha đánh chiếm Đà Nẵng

Sáng 1 – 9 – 1858, sau khi đưa thư buộc quân triều đình nộp thành nhưng không đợi trả lời, liên quân Pháp – Tây Ban Nha nã đại bác lên bờ, rồi đổ bộ lên bán đảo Sơn Trà.


Quân dân ta anh dũng chống trả, những trận chiến đấu đã diễn ra ở xã Cẩm Lệ ven biển huyện Hoà Vang (Quảng Nam), nhưng không cản được giặc.

Tiếng súng xâm lược của quân Pháp nổ ở Đà Nẵng đã làm dấy lên một làn sóng đấu tranh mạnh mẽ trong nhân dân để bảo vệ Tổ quốc.

(1) Quân Tây Ban Nha tham chiến vì có một số giáo sĩ Tây Ban Nha bị triều đình nhà Nguyễn giam giữ và giết hại. Thực tế, Tây Ban Nha cũng đang muốn chớp cơ hội để chia sẻ quyền lợi ở Việt Nam.

Triều đình cử Nguyễn Tri Phương làm Tổng chỉ huy mặt trận Quảng Nam. Ông huy động quân dân đắp lũy ngăn không cho giặc tiến sâu vào nội địa. Nhân dân được lệnh làm “vườn không nhà trống”, gây cho quân Pháp nhiều khó khăn. Suốt 5 tháng liền, quân Pháp bị giam chân tại chỗ, lực lượng hao mòn dần, thuốc men, thực phẩm thiếu thốn do tiếp tế khó khăn.

Từ Nam Định, Đốc học Phạm Văn Nghị dẫn đầu 300 quân (chủ yếu là học trò của ông) đã lên đường vào Nam, xin vua được ra chiến trường chiến đấu. Tại Đà Nẵng, đội nghĩa binh của Phạm Gia Vĩnh ngay từ đầu đã phối hợp chặt chẽ với quân đội triều đình chống giặc.

 *Pháp có âm mưu gì khi mở cuộc tấn công Đà Nẵng? Chúng đã thất bại như thế nào trong việc thực hiện kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh”?*

2. Chiến sự ở Gia Định và các tỉnh Nam Kỳ từ năm 1859 đến năm 1862

Bị sa lầy ở mặt trận Đà Nẵng, quân Pháp – Tây Ban Nha buộc phải thay đổi kế hoạch. Tháng 2 – 1859, chúng đưa phần lớn số quân tại Đà Nẵng vào Gia Định để mở mặt trận mới.

Gia Định và Nam Kỳ là vựa lúa của Việt Nam, có vị trí chiến lược quan trọng. Hệ thống giao thông đường thủy ở đây rất thuận lợi. Từ Gia Định, có thể sang Cam-pu-chia một cách dễ dàng. Chiếm được Nam Kỳ, quân Pháp sẽ cắt đứt con đường tiếp tế lương thực của triều đình nhà Nguyễn, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc làm chủ lưu vực sông Mê Công của Pháp.

Ngày 9 – 2 – 1859, hạm đội Pháp tập trung ở Vũng Tàu, rồi theo đường sông Cần Giờ ngược lên Sài Gòn. Vừa đi, chúng vừa bắn phá dữ dội các đồn trại của quân ta ở hai bên bờ và cố sức vượt qua các chướng ngại vật được dựng trên sông. Do vấp phải sức chống cự quyết liệt của quân dân ta nên mãi tới ngày 16 – 2 – 1859, quân Pháp mới đến được Gia Định.

Sáng sớm 17 – 2, quân Pháp với hỏa lực mạnh tấn công thành Gia Định. Đến trưa, chúng chiếm được thành. Mặc dù quân đông, vũ khí và lương thực nhiều, nhưng quân triều đình đã tan rã nhanh chóng.

Tuy nhiên, ngay sau đó giặc Pháp đã vấp phải những khó khăn mới. Các đội nghĩa quân ngày đêm bám sát, tìm cách bao vây tiêu diệt địch. Hoảng sợ, quân Pháp đã phải quyết định phá huỷ thành Gia Định và rút xuống các tàu chiến.

Lúc này, Pháp đang bị sa lầy ở các chiến trường I-ta-li-a, Trung Quốc... nên không thể tiếp viện cho chiến trường Việt Nam. Số quân Pháp ở Đà Nẵng và một



Hình 101. Quân Pháp đánh chiếm thành Gia Định

phần lực lượng ở Gia Định cũng bị đưa sang Trung Quốc tham chiến. Tại Gia Định, Pháp chỉ còn khoảng 1 000 quân, rải trên một chiến tuyến dài 10 km.

Tháng 3 – 1860, Nguyễn Tri Phương được cử vào mặt trận Gia Định. Ông đã huy động lực lượng, gấp rút xây dựng một hệ thống phòng ngự kiên cố, lấy Đại đồn Chí Hoà làm trung tâm, để phòng quân địch đánh rộng ra.

Sau khi tham gia can thiệp vũ trang vào Trung Quốc, buộc triều đình Mãn Thanh kí Hiệp ước Bắc Kinh (25 – 10 – 1860), Pháp liền đưa quân về Gia Định, tiếp tục mở rộng việc đánh chiếm nước ta.

Ngày 23 – 2 – 1861, quân Pháp mở cuộc tấn công vào Đại đồn Chí Hoà. Quân triều đình Huế chống cự quyết liệt. Nhưng trước hỏa lực mạnh của địch, cuối cùng Đại đồn Chí Hoà đã rơi vào tay giặc. Nguyễn Tri Phương bị thương. Quân triều đình Huế phải rút chạy. Thừa thắng, giặc Pháp lần lượt chiếm các tỉnh Định Tường (12 – 4 – 1861), Biên Hoà (18 – 12 – 1861), Vĩnh Long (23 – 3 – 1862). Như vậy, đến tháng 3 – 1862, ba tỉnh miền Đông và một tỉnh miền Tây Nam Kỳ (Vĩnh Long) đã bị giặc chiếm.

Ngay từ đầu, nhân dân Nam Kỳ đã đứng lên kháng chiến. Các toán nghĩa quân của Trương Định, Trần Thiện Chính (một Tri huyện bị cách chức), Lê Huy (một võ quan bị thải hồi) chiến đấu rất anh dũng, lập được nhiều chiến công. Ngày 10 – 12 – 1861, Nguyễn Trung Trực chỉ huy nghĩa quân đánh chìm chiếc tàu É-t-pê-răng (Hi Vọng) của giặc đậu trên sông Vàm Cỏ Đông (đoạn chảy qua thôn Nhật Tảo), làm nức lòng quân dân ta.

Giữa lúc phong trào kháng chiến của nhân dân đang ngày càng phát triển khiến quân Pháp vô cùng bối rối thì triều đình Huế kí với Pháp Hiệp ước Nhâm Tuất (5 - 6 - 1862) gồm 12 điều khoản, trong đó có những điều khoản chính như : nhượng hẳn cho Pháp ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ (Gia Định, Định Tường, Biên Hoà) và đảo Côn Lôn ; bồi thường 20 triệu quan (khoảng 280 vạn lạng bạc) ; mở các cửa biển Đà Nẵng, Ba Lạt⁽¹⁾, Quảng Yên cho thương nhân Pháp và Tây Ban Nha vào tự do buôn bán, kèm theo nhiều nhượng bộ nặng nề khác về chính trị, quân sự...



- Những khó khăn của quân Pháp khi tổ chức đánh chiếm Gia Định là gì ?
- Tại sao chúng vẫn đứng chân được ở Gia Định để đánh chiếm các nơi khác ?
- Vì sao triều đình Huế kí Hiệp ước Nhâm Tuất (5 - 6 - 1862) ? Nội dung cơ bản và hậu quả của Hiệp ước là gì ?

3. Cuộc kháng chiến từ sau Hiệp ước 1862

Việc triều đình Huế kí hiệp ước cắt đất cầu hoà đã gây bất bình trong sĩ phu và nhân dân cả nước. Họ bày tỏ thái độ của mình bằng nhiều cách, hoặc như Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Thông dùng văn thơ châm biếm bọn Việt gian bán nước, hoặc tiếp tục kháng chiến chống Pháp, bất chấp lệnh bãi binh của triều đình mà tiêu biểu là Trương Định.

Trương Định (1820 - 1864) quê ở Bình Sơn, Quảng Ngãi, là con của Trương Cẩm. Ông theo cha vào Nam giữa thời Thiệu Trị, khi Trương Cẩm được bổ làm Lãnh binh Gia Định. Ông đã chiêu mộ nhiều dân nghèo khai hoang lập đồn điền, được phong chức Phó Quản cơ (nên còn gọi là Quản Định).

Trương Định mộ nghĩa binh đánh Pháp ngay từ khi chúng kéo tới Gia Định (1859), lập được nhiều chiến công. Khi Đại đồn Chí Hoà thất thủ, quân triều đình rút về Biên Hoà, Trương Định đem quân về Tân Hoà (Gò Công).

Trước khi kí Hiệp ước 1862, triều đình Huế phong cho Trương Định chức Phó Lãnh binh tỉnh Gia Định. Khi Hiệp ước 1862 được kí kết, triều đình hạ lệnh cho Trương Định phải giải tán nghĩa binh mặt khác điều ông đi nhận chức Lãnh binh ở An Giang, rồi Phú Yên. Ông đã kháng lệnh triều đình, ở lại cùng nhân dân chống giặc.

Ngọn cờ “Bình Tây Đại nguyên soái” của Trương Định đã mang đến cho nhân dân Nam Kỳ niềm tin tưởng, đồng thời khiến bè lũ cướp nước và bán nước phải khiếp sợ. Căn cứ Tân Hoà trở thành đại bản doanh của phong trào toàn miền. Vào nửa sau năm 1862, phong trào phát triển mạnh mẽ.

(1) Ba Lạt : cửa sông Hồng đổ ra Biển Đông, ở giữa địa phận hai tỉnh Thái Bình và Nam Định.



Hình 102. Trương Định nhận phong soái

Để đối phó với phong trào, quân Pháp phải xin thêm viện binh. Ngày 28 - 2 - 1863, chúng mở cuộc tấn công lớn vào căn cứ Tân Hoà. Nghĩa quân anh dũng chiến đấu suốt 3 ngày đêm, nhưng sau đó phải rút khỏi căn cứ để bảo toàn lực lượng. Trương Định cùng nghĩa quân ra sức xây dựng căn cứ mới ở Tân Phước, vùng ven sông Soài Rạp, với địa thế hiểm yếu. Nhờ có tay sai dẫn đường, giặc Pháp đã bí mật cho quân lọt vào căn cứ. Bị đánh úp bất ngờ, Trương Định cùng nghĩa quân đã chiến đấu vô cùng anh dũng. Bị trúng đạn gãy xương sống, không muốn bị rơi vào tay giặc, ông đã rút gươm tự sát ngày 20 - 8 - 1864. Năm đó ông 44 tuổi.

Chủ tướng hi sinh, nghĩa quân bị tổn thất nặng nhưng phong trào kháng chiến vẫn tiếp tục. Con trai Trương Định là Trương Quyền đưa đội nghĩa binh lên Tây Ninh phối hợp với người Khơ-me và người Thượng xây dựng cơ sở kháng chiến mới. Một số người lãnh đạo khởi nghĩa cũng đưa nghĩa quân đi xây dựng căn cứ ở nhiều nơi, nhằm kéo dài cuộc kháng chiến.

❖ - Trước và sau Hiệp ước 1862, phong trào kháng chiến của nhân dân ta đã phát triển như thế nào ?

- Cuộc khởi nghĩa của Trương Định có những nét đặc sắc gì ?

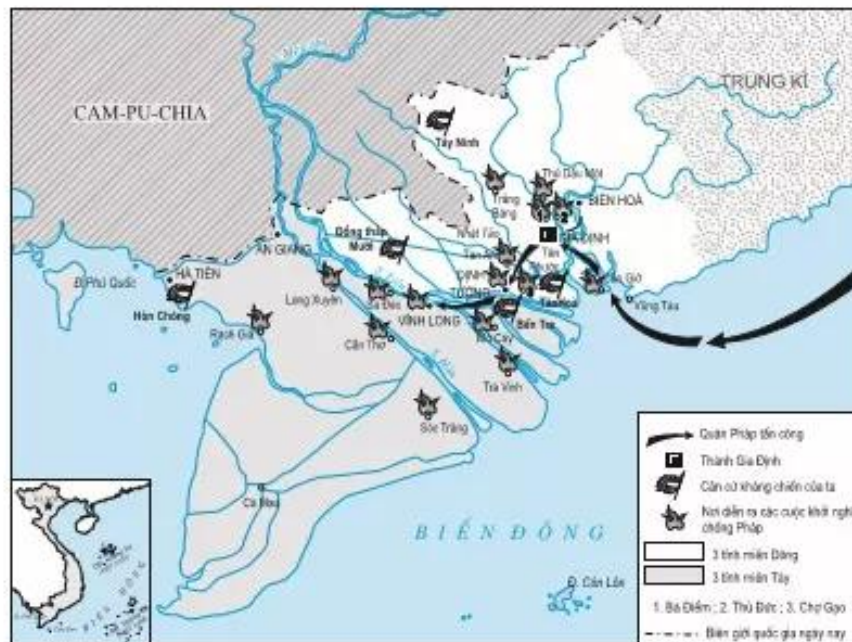
4. Kháng chiến ở ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ

Trong lúc triều đình phong kiến nhà Nguyễn chỉ lo dốc toàn lực lượng vào việc đàn áp phong trào nông dân ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ, tìm cách ngăn trở phong trào chống Pháp của nhân dân Nam Kỳ, thì thực dân Pháp ráo riết chuẩn bị chiếm nốt ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ.

Để dọn đường cho kế hoạch này, Pháp bước đầu thiết lập bộ máy cai trị ở ba tỉnh miền Đông, thôn tính Cam-pu-chia (1863), cô lập ba tỉnh miền Tây, yêu cầu triều đình Huế giao nốt ba tỉnh miền Tây cho chúng kiểm soát.

Trong khi triều đình chủ trương điều đình, chỉ lo việc “chuộc đất” thì thực dân Pháp gấp rút tổ chức cuộc thôn tính bằng quân sự.

Sau khi chuẩn bị lực lượng quân sự, lấy cớ triều đình Huế vẫn ngấm ngấm ủng hộ phong trào kháng chiến ở ba tỉnh miền Đông, quân Pháp kéo đến thành Vĩnh Long. Chúng đưa thư buộc quan lại nhà Nguyễn phải nộp thành. Đại diện triều đình ở miền Tây là Phan Thanh Giản đã phải giao tỉnh Vĩnh Long cho Pháp, sau đó còn ra lệnh cho quan quân ở hai tỉnh An Giang và Hà Tiên làm theo. Chỉ trong vòng 5 ngày (từ 20 đến 24 – 6 – 1867), quân Pháp đã chiếm gọn ba tỉnh miền Tây (Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên) mà không tốn một viên đạn.



Hình 103. Lược đồ cuộc kháng chiến chống Pháp ở Nam Kỳ

Trước hành động của thực dân Pháp và thái độ bạc nhược của quan lại triều đình, nhân dân ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ vẫn anh dũng đứng lên chống giặc. Một số nhà nho yêu nước tìm đường ra Bình Thuận (Nam Trung Kỳ) lập ra Đồng Châu xã do Nguyễn Thông đứng đầu để giúp đỡ nhau và xây dựng căn cứ ở Tánh Linh nhằm mưu cuộc kháng chiến lâu dài. Một số khác kiên trì bám đất, bám dân, tiến hành cuộc đấu tranh vũ trang quyết liệt với quân thù.

Hai anh em Phan Tôn, Phan Liêm (con của Phan Thanh Giản) chỉ huy nghĩa quân hoạt động mạnh ở các vùng : Bến Tre, Vĩnh Long, Sa Đéc, Trà Vinh trong hai năm 1867 – 1868. Nghĩa quân của Nguyễn Trung Trực đánh chiếm và làm chủ

Rạch Giá (6 – 1867) ; khi bị giặc bắt và đưa ra chém, ông vẫn khẳng khái nói : “Bao giờ người Tây nhổ hết cỏ nước Nam thì mới hết người Nam đánh Tây”. Nguyễn Hữu Huân bị bắt đi đày ở hải đảo, khi được tha về lại tiếp tục chống Pháp ở vùng Tân An, Mĩ Tho. Ít lâu sau bị bắt lại, trên đường ra pháp trường, ông vẫn ung dung làm thơ khẳng định ý chí bất khuất của mình.

Phong trào kháng chiến của nhân dân Nam Kỳ từ ba tỉnh miền Đông lan sang ba tỉnh miền Tây ; lúc đầu chỉ đơn thuần là cuộc đấu tranh chống ngoại xâm, về sau có sự kết hợp phần nào với cuộc đấu tranh chống triều đình phong kiến đầu hàng. Phong trào thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia, với những hình thức đấu tranh phong phú. Cuối cùng, do bị triều đình bỏ rơi, so sánh lực lượng chênh lệch, phong trào đã thất bại. Đến năm 1875, không còn các cuộc khởi nghĩa lớn, nhưng phong trào ở Nam Kỳ vẫn tiếp tục kéo dài làm cho thực dân Pháp phải lao đao.



- Cuộc kháng chiến của nhân dân ta ở ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ diễn biến ra sao ?

- Tinh thế của cuộc kháng chiến ở Nam Kỳ khi mất ba tỉnh miền Tây như thế nào ?

II – KHÁNG CHIẾN Ở BẮC KÌ LẦN THỨ NHẤT (1873 – 1874)

1. Tình hình Việt Nam trước khi thực dân Pháp đánh Bắc Kỳ lần thứ nhất


Chiếm xong sáu tỉnh Nam Kỳ, thực dân Pháp gấp rút biến Nam Kỳ thành bàn đạp vững chắc để tiến đánh Bắc Kỳ và Trung Kỳ. Một mặt, chúng ra sức củng cố bộ máy cai trị từ trên xuống dưới, mở trường học đào tạo đội ngũ tay sai, mặt khác chúng tăng cường bóc lột nhân dân ta để thực hiện phương châm “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”.

Trong khi đó, triều đình Huế dường như không còn nghĩ gì đến việc chiến đấu giành lại các vùng đất đã mất mà vẫn tiếp tục thi hành những chính sách thiển cận.

Về nội trị, nhà Nguyễn tăng cường vơ vét bóc lột nhân dân vừa để thoả mãn chi dùng, vừa để có tiền bồi thường chiến phí cho Pháp, tiếp tục khước từ những đề nghị cải cách. Các ngành nông nghiệp, công – thương nghiệp đều bị bỏ bê. Tài chính thêm thiếu hụt. Đời sống nhân dân ngày càng sa sút. Một loạt cuộc khởi nghĩa nông dân đã nổ ra.

Nhiều cuộc khởi nghĩa nổ ra ở vùng đồng bằng như khởi nghĩa của Trần Vĩnh (Hà Đông), Đỗ Văn Đạo, Nguyễn Văn Nam (Phúc Yên), Lê Văn Khuông, Đỗ Chuyên, Nguyễn Nhiêm, Nguyễn Văn Đán (Bắc Ninh), Quán Thoả, Quán Uy và dư đảng Tạ Văn Phụng (Quảng Yên). Lợi dụng tình thế đó, nhiều toán thổ phỉ, hải phỉ từ Trung Quốc sang cướp phá nhiều nơi. Tình hình rối loạn càng tạo điều kiện cho Pháp đem quân ra Bắc Kì.

Về mặt đối ngoại, triều Nguyễn vẫn muốn dùng con đường thương lượng nhằm hạn chế sự “chém cắt” của thực dân Pháp.

 *Âm mưu của Pháp sau khi chiếm được Nam Kì như thế nào? Tình hình xã hội trong giai đoạn này có điểm gì nổi bật?*

2. Cuộc kháng chiến ở Hà Nội và các tỉnh đồng bằng Bắc Kì

Để thực hiện âm mưu mở rộng xâm lược, ngoài việc củng cố cơ sở ở sáu tỉnh Nam Kì, thực dân Pháp còn tung gián điệp đội lối giáo sĩ hoặc thương nhân ra do thám tình hình Bắc Kì, bắt liên lạc với lái buôn Đuy-puy lúc đó đang hoạt động ở vùng biển Trung Quốc – Việt Nam và tích cực gây dựng cơ sở nội ứng trong một bộ phận dân chúng.

Tháng 11 – 1872, ý thế nhà Thanh, Đuy-puy tự tiện cho tàu theo sông Hồng lên Vân Nam buôn bán mặc dù chưa được phép của triều đình Huế. Hãn còn ngang ngược đòi được đóng quân trên bờ sông Hồng, đòi có nhượng địa ở Hà Nội, đòi được cấp than đá để đưa sang Vân Nam. Lính Pháp và thổ phỉ dưới trướng Đuy-puy còn cướp thuyền gạo của triều đình, bắt quan, lính và dân ta đem xuống tàu, khước từ lời mời tới thương thuyết của Tổng đốc Hà Nội Nguyễn Tri Phương.

Lấy cớ giải quyết “vụ Đuy-puy” theo yêu cầu của triều đình Huế, thực dân Pháp ở Sài Gòn đã phái Đại úy Gác-ni-ê đưa quân ra Bắc.

Đầu tháng 11 – 1873, ngay khi đặt chân đến Hà Nội, Gác-ni-ê đã cho quân khiêu khích. Chúng đánh đập dân chúng và binh lính ta, tự tiện tổ chức thu thuế, đòi được đóng quân ở trong thành và tuyên bố mở cửa sông Hồng.

Sáng 19 – 11 – 1873, Gác-ni-ê gửi tối hậu thư cho Tổng đốc Nguyễn Tri Phương yêu cầu nộp thành. Không đợi trả lời, mờ sáng hôm sau (20 – 11 – 1873), quân Pháp nổ súng đánh thành. Nguyễn Tri Phương đã đốc thúc binh sĩ chống cự, nhưng không giữ nổi thành trước sức tấn công ác liệt của giặc Pháp. Khi bị thương, bị giặc bắt, ông đã nhịn ăn, khước từ sự cứu chữa của giặc mà chết. Con trai ông là Nguyễn Lâm cũng hi sinh trong chiến đấu.

Ngay sau đó, tranh thủ lúc triều đình Huế còn đang hoang mang, bị động, Gác-ni-ê đưa quân đánh chiếm nhiều nơi như : Hưng Yên (23 – 11), Phủ Lí (26 – 11),

Hải Dương (3 – 12), Ninh Bình (5 – 12), Nam Định (12 – 12). Trong vòng 3 tuần lễ, các tỉnh thành thuộc đồng bằng Bắc Kỳ đã lọt vào tay giặc.



*Hình 104. Nguyễn Tri Phương
(1800 _ 1873)*

Ngay từ phút đầu khi giặc nổ súng đánh thành Hà Nội, quân dân ta đã chống trả quyết liệt. Tại cửa Ô Thanh Hà, dưới sự chỉ huy của viên Chương cơ, khoảng 100 binh lính triều đình đã chiến đấu và hi sinh đến người cuối cùng (sau này Ô Thanh Hà được đổi tên thành Ô Quan Chưởng). Khi Pháp mở rộng đánh chiếm ra các tỉnh ở Bắc Kỳ, tới đâu chúng cũng bị quân dân ta chặn đánh. Tại Phủ Lý, Hưng Yên, Hải Dương, Nam Định, quân Pháp bị chặn đánh quyết liệt, phải rút về cố thủ trong thành ở các tỉnh lỵ.



Hình 105. Cửa Ô Quan Chưởng (Hà Nội) thế kỉ XIX


Tại Nam Định, nhiều văn thân yêu nước như Nguyễn Mậu Kiến, cùng hai con là Nguyễn Hữu Cương, Nguyễn Hữu Bản, tập hợp hàng nghìn nghĩa quân đánh giặc ở vùng Trục Ninh (Kiến Xương – Thái Bình), rồi kéo quân sang Nam Định phối hợp giữ thành. Phạm Văn Nghị chiêu mộ 7 000 quân, xây dựng căn cứ chống Pháp ở An Hoà (Ý Yên – Nam Định). Khắp nơi, các toán nghĩa quân nổi lên. Họ tập kích, phục kích tiêu hao lực lượng của Pháp, trừng trị bọn tay sai, rào làng chiến đấu...

Ở Hà Nội, thấy lực lượng của giặc yếu và mỏng, quân ta xiết chặt vòng vây, buộc Gác-ni-ê phải tức tốc đưa quân về Hà Nội ứng cứu. Sáng 21 – 12 – 1873, quân Pháp định tiến ra vùng Hoài Đức, nhưng đã bị phục kích tại Cầu Giấy, viên chỉ huy Gác-ni-ê bị giết chết tại trận.

Chiến thắng Cầu Giấy làm quân Pháp ở Hà Nội và các tỉnh hoảng sợ, muốn bỏ chạy. Thực dân Pháp ở Nam Kỳ cũng hoang mang. Đây là thời cơ thuận lợi để đánh đuổi quân giặc, nhưng triều đình Huế đã bỏ lỡ. Các đội quân triều đình được lệnh rút lên Sơn Tây để tạo không khí “thuận lợi” cho đàm phán. Tiếp đó, một bản hiệp ước mới đã được kí kết tại Sài Gòn vào ngày 15 – 3 – 1874 (Hiệp ước Giáp Tuất).

Theo bản Hiệp ước này, Pháp sẽ rút khỏi Hà Nội và các tỉnh đồng bằng Bắc Kỳ, nhưng triều đình Huế cũng phải chính thức thừa nhận chủ quyền của Pháp ở sáu tỉnh Nam Kỳ, cam kết mở cửa Thị Nại (Quy Nhơn), cửa Ninh Hải (Hải Phòng), tỉnh lỵ Hà Nội và sông Hồng cho Pháp vào buôn bán. Ở những nơi đó, Pháp có quyền mở mang công nghệ, xây dựng kho tàng, thuê mướn nhân công, đặt lãnh sự có quân lính bảo vệ. Nền ngoại giao nước ta cũng lệ thuộc vào đường lối ngoại giao của nước Pháp.

Hiệp ước năm 1874 đã làm mất một phần quan trọng độc lập chủ quyền của Việt Nam, xác lập đặc quyền về kinh tế của tư bản Pháp trên khắp đất nước ta.

-  – Kế hoạch đánh chiếm Hà Nội năm 1873 được Pháp thực hiện như thế nào ?
- Nội dung, tính chất của Hiệp ước 1874.

3. Tình hình nước ta sau Hiệp ước 1874

Tuy phải rút quân khỏi Hà Nội theo Hiệp ước 1874, nhưng thực dân Pháp vẫn không từ bỏ âm mưu thôn tính Bắc Kỳ, Trung Kỳ. Chúng chờ thời cơ để thực hiện dã tâm này.

Triều đình phong kiến nhà Nguyễn từ sau khi kí Hiệp ước 1874 đã vấp phải sự phản ứng mạnh mẽ của nhân dân cả nước. Nhiều cuộc khởi nghĩa nổ ra, vừa nhằm chống thực dân Pháp xâm lược, vừa phản đối một bộ phận quan lại phong kiến đầu hàng. Tiêu biểu nhất là cuộc khởi nghĩa năm 1874 ở Nghệ An và Hà Tĩnh do một số văn thân, sĩ phu, như Trần Tấn, Đặng Như Mai, Nguyễn Huy Điển... lãnh đạo nhưng đã bị đàn áp.



Hình 106. Quân Pháp rút khỏi thành Hà Nội theo Hiệp ước 1874

Trong thời gian các cuộc khởi nghĩa nổ ra khắp nơi thì ở ngoài Bắc thường xuyên xảy ra nạn giặc giã. Bọn thổ phỉ, hải phỉ ra sức hoành hành ở vùng biên giới. Triều đình phải dốc gần hết lực lượng quân sự vào việc đối phó ; nhiều lần còn yêu cầu nhà cầm quyền Pháp ở Nam Kỳ đem tàu chiến ra giúp đỡ và cứu cứu quân Thanh đánh dẹp. Đất nước rơi vào tình trạng rối ren đến cực độ.

Đứng trước tình hình đó, nhiều sĩ phu có tâm huyết đã tiếp tục đề nghị duy tân, nhưng hầu hết các đề nghị cải cách đã bị cự tuyệt. Kết quả là nền kinh tế đất nước ngày càng suy sụp ; đời sống nhân dân ngày một cơ cực, xóm làng ngày một tiêu điều, thiên tai, mất mùa diễn ra thường xuyên. Riêng trận đói lớn năm 1879 đã làm cho hàng chục vạn người lưu tán, chết đói.

Trong gần 10 năm, kể từ sau khi thực dân Pháp đánh chiếm Bắc Kỳ lần thứ nhất, nhà nước chẳng những không làm gì để đẩy mạnh nền kinh tế đất nước, cải thiện đời sống nhân dân, mà còn làm cho đất nước ngày càng suy yếu. Trong khi đó, các nước tư bản phương Tây đang tiến nhanh sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, yêu cầu bành trướng mở rộng thị trường càng trở nên cấp thiết. Từ năm 1878 trở đi, các nước Anh, Đức, Tây Ban Nha đẩy mạnh việc giao thiệp với triều đình Huế. Tình hình đó càng thôi thúc thực dân Pháp nhanh tay hành động để chiếm toàn bộ đất nước ta.

? *Tình hình Việt Nam từ sau Hiệp ước 1874 đến trước khi thực dân Pháp đánh Bắc Kỳ lần thứ hai (1882) có những điểm gì đáng chú ý ?*

III – NHÂN DÂN BẮC KÌ VÀ TRUNG KÌ TIẾP TỤC KHÁNG CHIẾN

1. Thực dân Pháp đánh chiếm Bắc Kỳ lần thứ hai (1882 – 1883)

Từ những năm 70 của thế kỉ XIX, chủ nghĩa tư bản Pháp bước sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Nền kinh tế Pháp có những đòi hỏi ngày càng lớn về thị trường, nhân công và nguyên liệu. Không chịu đứng sau các nước tư bản khác, thực dân Pháp đã lao vào cuộc chạy đua quyết liệt để giành giật thuộc địa.

Việc xâm lược Bắc Kỳ và toàn bộ Việt Nam lúc này không còn là mưu đồ của một nhóm thực dân hiếu chiến, phiêu lưu như trước, mà đã trở thành chủ trương chung của giới tư bản tài phiệt đang nắm quyền ở Pháp. Đối với chúng, Bắc Kỳ dân đông, nhiều tài nguyên, nhất là than đá, là miếng mồi ngon không thể bỏ qua.

Để can thiệp bằng lực lượng vũ trang, năm 1882, viện cố triều đình Huế không thi hành đúng các điều khoản của Hiệp ước 1874, ngăn trở người Pháp đi lại buôn bán trên sông Hồng, cấm và giết những người theo đạo Thiên Chúa..., Pháp đưa quân ra Bắc.



*Hình 107. Hoàng Diệu
(1829 – 1882)*

Ngày 3 – 4 – 1882, quân Pháp, do Hăng-ri Ri-vi-e chỉ huy, tiến vào Hà Nội. Binh lính Pháp vác súng nghênh ngang đi lại trên đường phố, tên chỉ huy Pháp đòi Tổng đốc Hà Nội Hoàng Diệu phải rút quân ra khỏi thành để chúng vào đóng quân và phá huỷ các công sự phòng thủ trên mặt thành. Tình hình Hà Nội hết sức căng thẳng.

Chờ khi có viện binh từ Sài Gòn ra, mờ sáng 25 – 4 – 1882, Ri-vi-e gửi tối hậu thư cho Hoàng Diệu đòi nộp thành. Hạn trả lời chưa hết, quân Pháp đã nổ súng. Trưa hôm đó, quân Pháp chiếm được thành, quân triều đình tan vỡ. Hoàng Diệu viết di biểu gửi triều đình rồi treo cổ tuấn tiết trong vườn Võ Miếu (dưới chân Cột cờ Hà Nội ngày nay) để khỏi rơi vào tay giặc.

Trước hành động xâm lược của thực dân Pháp, triều đình nhà Nguyễn hoang mang và khiếp nhược, vội vàng cầu cứu nhà Thanh. Nắm được cơ hội này,



Hình 108. Quân Pháp chiếm thành Hà Nội, xây dựng lô cốt trên nền Điện Kính Thiên

nhà Thanh đưa quân sang nước ta. Quân Thanh đóng rải rác ở các tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hưng Hoá, Cao Bằng, Lạng Sơn và Bắc Ninh, đồng thời bí mật thương thuyết với Pháp để chia nhau quyền lợi ở Việt Nam. Trong khi đó, vua Tự Đức vì vẫn nuôi ảo

tưởng điều đình với Pháp nên đã ra lệnh rút quân lên mạn ngược và giải tán các đội quân địa phương được hình thành trong phong trào yêu nước chống xâm lược.

Về phía Pháp, sau khi nhận thêm viện binh, tháng 3 – 1883 Ri-vi-e cho quân chiếm đóng vùng mỏ Hòn Gai, Quảng Yên, sau đó trực tiếp kéo quân từ Hà Nội xuống đánh chiếm Nam Định (27 – 3 – 1883). Lần thứ hai, hầu hết các tỉnh thành lớn ở vùng đồng bằng Bắc Kỳ lại rơi vào tay giặc.

- ❖ – Vì sao từ sau năm 1874, thực dân Pháp lại quyết tâm chiếm bằng được Bắc Kỳ ?
- Thực dân Pháp thực hiện âm mưu đánh chiếm Bắc Kỳ lần thứ hai như thế nào ?

2. Nhân dân Bắc Kỳ chống Pháp chiếm đóng lần thứ hai

Khi quân Pháp nổ súng tấn công, nhân dân Bắc Kỳ đã anh dũng đứng lên chiến đấu. Những kinh nghiệm chiến đấu của 10 năm về trước lại được nhân dân ta áp dụng. Ở Hà Nội, dọc sông Hồng, nhân dân tự tay đốt nhà mình, tạo thành bức tường lửa làm chậm bước tiến của giặc. Khắp nơi dân chúng nổi trống, mõ, khua chiêng, cổ vũ quân dân ta chiến đấu. Dưới sự chỉ huy của Nguyễn Đổng, hàng nghìn người tập hợp tại đình Quảng Văn (phố Cửa Nam) chuẩn bị tiến vào thành phối hợp với quân của triều đình đánh giặc. Nhưng chưa kịp hành động thì thành đã mất ; quân triều đình tan rã. Những người dân Hà Nội vẫn kiên trì tiếp tục cuộc đấu tranh trong lòng địch như : tiến hành đấu độc binh lính Pháp, không bán lương thực cho giặc, đốt cháy các kho thuốc súng của chúng trên bờ sông Hồng...

Khi quân Pháp mở rộng phạm vi đánh chiếm các tỉnh đồng bằng, đi tới đâu chúng cũng vấp phải sức chiến đấu quyết liệt của quân dân các địa phương.

Ở Nam Định, nhân dân tự tay đốt cháy các đẫy phở dọc sông Vị Hoàng để ngăn địch. Để đốc Lê Văn Diêm, Án sát Hồ Bá Ôn đem quân ra ngoài thành nghênh chiến. Tại vùng nông thôn, Nguyễn Hữu Bản – con của Nguyễn Mậu Kiến, nối tiếp chí cha, mộ quân ứng nghĩa. Ở những nơi khác, nhân dân tích cực đắp đập, cắm kè cản địch trên sông.

Trong khi Ri-vi-e kéo quân đánh Nam Định thì từ phía Sơn Tây và Bắc Ninh, quân dân ta áp sát Hà Nội uy hiếp quân Pháp.

Tháng 5 – 1883, trên chiến trường Cầu Giấy, quân dân ta lại một lần nữa giáng cho giặc một đòn nặng nề.

Ngày 19 – 5 – 1883, Ri-vi-e huy động 550 quân có đại bác yểm trợ, mở cuộc hành quân đánh ra ngoài Hà Nội theo đường Hà Nội đi Sơn Tây. Nắm được ý đồ của giặc, quân dân ta đã cùng đội quân Cờ đen của Lưu Vĩnh Phúc tổ chức phục kích tại Cầu Giấy. Quân Pháp đại bại, nhiều sĩ quan, binh lính địch bị chết và bị thương, Ri-vi-e cũng phải bỏ mạng. Tàn quân Pháp tháo chạy về Hà Nội.

Trận Cầu Giấy lần thứ hai đã làm nức lòng nhân dân cả nước, bồi đắp thêm ý chí quyết tâm tiêu diệt giặc của nhân dân. Quân Pháp hoang mang, dao động. Tên Đô đốc Pháp thay thế Ri-vi-e định bỏ Hà Nội, Nam Định về cố thủ ở Hải Phòng. Tình hình rất thuận lợi cho cuộc kháng chiến.



Hình 109. Cuộc chiến giữa quân Pháp và quân Cờ đen tại Cầu Giấy tháng 5 – 1883

Sau chiến thắng Cầu Giấy (19 – 5 – 1883), triều đình Huế vẫn tiếp tục đường lối hoà hoãn như trước, hi vọng quân Pháp sẽ rút quân như năm 1873. Song tình thế lúc này đã khác trước. Lợi dụng cái chết của Ri-vi-e, Chính phủ Pháp vận động đẩy mạnh

chiến tranh và khẩn trương gửi viện binh sang Việt Nam. Tiếp đó, quân Pháp đã thông qua một kế hoạch mở cuộc tấn công thẳng vào Kinh đô Huế, buộc triều đình nhà Nguyễn đầu hàng.

- ❖ – Nhân dân Hà Nội và các tỉnh đồng bằng sông Hồng đã anh dũng kháng chiến chống Pháp xâm lược lần thứ hai như thế nào ?
- Trình bày diễn biến của trận Cầu Giấy tháng 5 – 1883, kết quả và ý nghĩa của chiến thắng đó.

3. Quân Pháp tấn công cửa biển Thuận An. Hiệp ước Hác măng (1883) và Hiệp ước Patonốt (1884)

Ngày 17 – 7 – 1883, vua Tự Đức qua đời. Lợi dụng triều đình đang bận rộn với việc chọn người kế vị, thực dân Pháp đem quân đánh thẳng vào cửa Thuận An, sát Kinh đô Huế, buộc triều đình phải đầu hàng.

Sáng 18 – 8 – 1883, Đô đốc Cuốc-bê gửi tối hậu thư yêu cầu triều đình giao tất cả các pháo đài. Đến 16 giờ chiều hôm đó, tàu chiến Pháp bắt đầu nổ súng. Chiến sự diễn ra ác liệt.



Hình 110. Quân Pháp đổ bộ tấn công đánh chiếm cửa biển Thuận An

Ngày 20 – 8, quân Pháp chiếm toàn bộ cửa Thuận An. Triều đình hoảng sợ vội cử người xin đình chiến. Cao uỷ Pháp là Hác-măng đến Huế, đưa ra một bản hiệp ước thảo sẵn (Hiệp ước Hác măng), buộc triều đình phải chấp nhận.

Với hiệp ước mới (25 – 8 – 1883), về cơ bản, từ đây Việt Nam đã mất quyền tự chủ trên phạm vi cả nước, triều đình Huế đã chính thức thừa nhận sự bảo hộ của nước Pháp, mọi công việc chính trị, kinh tế, ngoại giao của Việt Nam đều do Pháp nắm. Tại Huế sẽ đặt chức Khâm sứ để thay mặt Chính phủ Pháp, viên chức này có quyền vào gặp nhà vua bất kì lúc nào xét thấy cần thiết (khoản 11) ; tại Hà Nội, Hải Phòng và một số nơi khác đặt chức Công sứ có quân đội bảo vệ và có quyền kiểm soát việc tuần phòng, quản lí việc thuế vụ, giám sát mọi sự thu chi, phụ trách việc thuế quan (các khoản 12, 13, 17, 18, 19) ; khu vực do triều đình cai trị chỉ còn lại từ Khánh Hoà ra tới đèo Ngang (tỉnh Bình Thuận sáp nhập vào Nam Kỳ, ba tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh sáp nhập vào Bắc Kỳ), nhưng trong khu vực này các việc thương chính, công chính đều do Pháp nắm (các khoản 1, 6) ; quân Pháp đóng ngay tại Thuận An và Huế (khoản 3) ; mọi việc giao thiệp của Việt Nam với nước ngoài (kể cả với Trung Quốc) cũng do Pháp nắm (khoản 1). Về quân sự, ngoài việc phải nhận huấn luyện viên và sĩ quan chỉ huy Pháp (khoản 23) ; triều đình phải triệt hồi số quân lính đã đưa ra Bắc Kỳ (khoản 4) ; để Pháp đóng những đồn binh dọc theo sông Hồng và những nơi xét thấy cần thiết (khoản 21) ; Pháp có toàn quyền xử trí đội quân Cờ đen (khoản 22).

Hiệp ước Hác măng đã vấp phải sự phản ứng quyết liệt trong dân chúng. Bất chấp lệnh bãi binh của triều đình, quân dân Bắc Kỳ vẫn tiếp tục đứng lên kháng chiến. Nhiều quan lại ở các địa phương không chịu về kinh đô, kiên quyết ở lại mộ nghĩa binh đánh giặc như : Tạ Hiện, Nguyễn Thiện Thuật, Hoàng Văn Hoè, Lã Xuân Oai... Điều đó đã có ảnh hưởng tích cực tới phái chủ chiến trong triều đình Huế.



Hình III. Quân Pháp tấn công thành Sơn Tây

Thấy không thể chấm dứt chiến sự bằng Hiệp ước Hác măng, đầu tháng 12 - 1883, sau khi có thêm viện binh, thực dân Pháp lại tiếp tục tổ chức nhiều cuộc hành quân, mở rộng phạm vi đánh chiếm Sơn Tây, Bắc Ninh, Thái Nguyên, Hưng Hoá, Tuyên Quang... Quân Pháp tấn công đến đâu, các đơn vị quân Thanh rút tới đó, chỉ có đội quân của Lưu Vĩnh Phúc còn là trở ngại lớn của quân Pháp lúc bấy giờ.

Từ đầu năm 1884, chiến sự diễn ra ngày càng ác liệt ở Bắc Kỳ.

Trong khi một số đơn vị quân

Thanh tham gia chiến đấu thì triều đình Mãn Thanh đã kí với Pháp Quy ước Thiên Tân ngày 11 - 5 - 1884, gồm 5 khoản, theo đó, quân Thanh sẽ rút khỏi Bắc Kỳ.

Trên đà thắng thế, ngày 6 - 6 - 1884 Chính phủ Pháp đã buộc triều đình Huế kí thêm Hiệp ước Patơnốt gồm 19 điều khoản, căn bản dựa trên Hiệp ước Hác măng (1883), nhưng trả lại các tỉnh Bình Thuận và Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh cho triều đình Huế cai quản như cũ, nhằm xoa dịu sự công phẫn của nhân dân ta và mua chuộc, lung lạc quan lại triều đình nhà Nguyễn.

Hiệp ước Patơnốt đặt cơ sở cho quyền đô hộ của Pháp ở Việt Nam.

? Nội dung của Hiệp ước Hác măng và Hiệp ước Patơnốt có những điểm gì giống và khác nhau ? Nêu nhận xét về các hiệp ước đó.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Lập bảng niên biểu về các bước xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp.
2. Thái độ của thực dân Pháp trong hai lần đưa quân ra đánh Bắc Kỳ có gì khác nhau ? Tại sao lại có sự khác nhau đó ?
3. Thông qua bài học, hãy so sánh thái độ của nhân dân và của triều đình Huế trong cuộc đấu tranh chống Pháp xâm lược.

PHẦN ĐỌC THÊM

Báo cáo của Ri-gôn đơ Giơ-nui-y với Chính phủ Pháp vào đầu năm 1859 về cuộc chiến tranh xâm lược ở Việt Nam

“Càng đi sâu vào tình hình Vương quốc An Nam, càng ngày các bức màn càng được vén lên. Những lời tiên đoán sai lầm (của các giáo sĩ) phải thủ tiêu đi. Không thể không công nhận rằng cuộc chiến tranh chống nước này còn khó hơn cuộc chiến tranh chống Vương quốc Trung Hoa”.

(Theo : *Lịch sử Việt Nam*,
Tập II, Sdd, tr. 38)

Về thái độ của nhân dân Việt Nam sau Hiệp ước 1862

“Bớ các quan ơi,

Chớ thấy chín trùng hoà nghị mà tấm lòng địch khái nở phôi pha,

Đừng rằng ba tỉnh giao hoà mà cái việc cừ thù đành bỏ dỡ.”

(Theo : *Thơ văn yêu nước nửa sau thế kỉ XIX*,
NXB Văn học, H., 1976, tr.122)

Thờ trả lời của Trương Định khi Tự Đức cử Phan Thanh Giản đến yêu cầu ông ngừng kháng chiến để Pháp trả lại tỉnh Vĩnh Long

“Nhân dân ba tỉnh muốn như xưa nên họ suy tôn chúng tôi cầm đầu. Chúng tôi không thể làm khác hơn điều mà chúng tôi đang làm. Cho nên chúng tôi đã chuẩn bị sẵn sàng kháng chiến ở cả miền Đông, ở cả miền Tây. Chúng tôi chống địch, đánh địch và cuối cùng sẽ thắng địch. Nếu ngài còn nói tới hoà nghị thì chúng tôi phản đối mệnh lệnh của triều đình”.

(Theo : *Lịch sử Việt Nam*, Tập II, Sdd, tr. 46)